

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự phân hóa đan xen của nhiều nhóm ngành với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

POW, VNM

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường lao động Mỹ khả quan

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

11/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,125.50	+0.09
VN30	1,117.34	+0.22
HĐTL VN30F1M	1,117.00	+0.45
HNXIndex	231.37	+0.07
HNX30	500.87	+0.92
UPCoM	85.48	-0.27
USD/VND	24,278	+0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+3
Dầu (WTI, \$)	71.69	+0.65
Vàng (LME, \$)	1,996.47	-0.41



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,125.50 (+0.09%)
KLGD (triệu CP) 618.3 (-9.8%)
GTGD (triệu US\$) 603.7 (-17.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự phân hóa đan xen của nhiều nhóm ngành với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 426.29 tỷ đồng, tập trung tại VCB (-0.9%), FUEVFVND (+0.1%), STB (-1.2%).

HNXIndex 231.37 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 76.4 (-28.1%)
GTGD (triệu US\$) 62.4 (-10.1%)

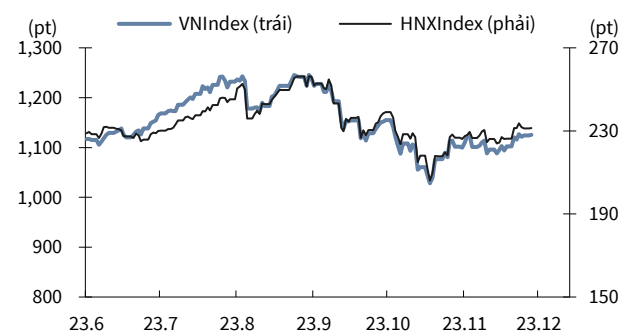
Sau khi hàng loạt trái cây được cấp phép xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc đã giúp ngành rau quả đạt kỷ lục hơn 5 tỷ USD sau 11 tháng. Cổ phiếu nhóm Thực phẩm tăng giá ở HAG (+7.00), HNG (+1.02%).

UPCoM 85.48 (-0.27%)
KLGD (triệu CP) 25.9 (-59.6%)
GTGD (triệu US\$) 14.0 (-10.8%)

Tại thời điểm 7h45 (giờ Việt Nam) ngày 11/12, giá dầu thô Brent tăng 0.67% lên 76.16 USD/thùng và dầu thô WTI của Mỹ tăng 0.32% lên 71.46 USD. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVS (+1.80%), PVO (+1.85%).

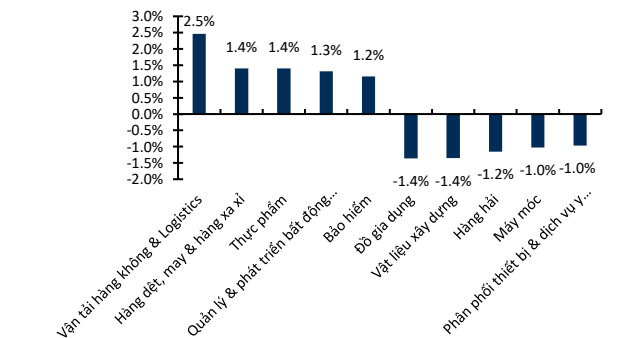
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -16.3

VNIndex & HNXIndex



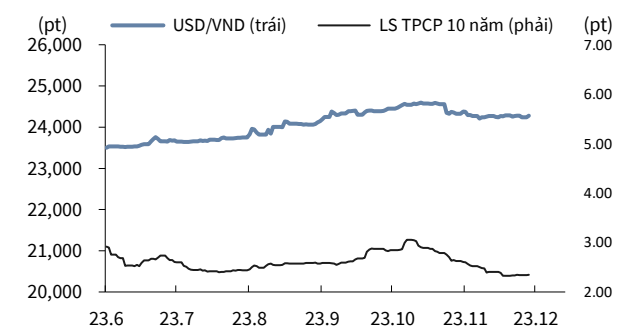
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

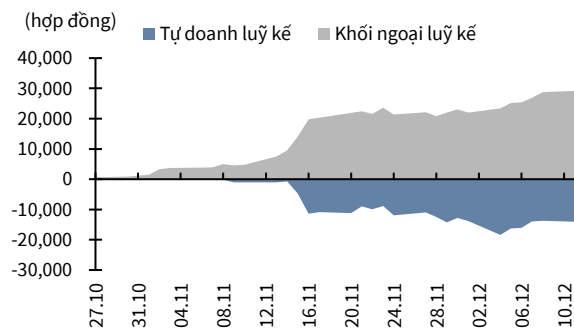
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,117.34 (+0.22%)
VN30F1M	1,117.0 (+0.45%)
Mở cửa	1,115.6
Cao nhất	1,120.0
Thấp nhất	1,112.3
KLGD (HĐ)	159,228 (-32.6%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại 0.51 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.5 điểm và đóng cửa tại -0.34 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

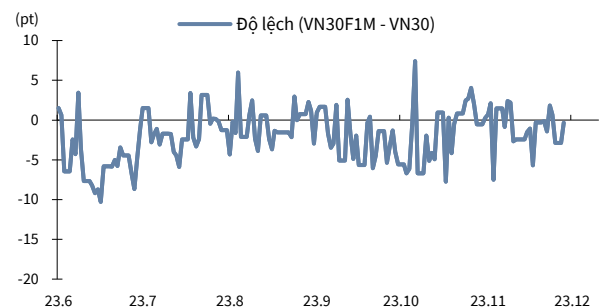
Khối ngoại mua ròng 2,492 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 29,155 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 327 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 14,007 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



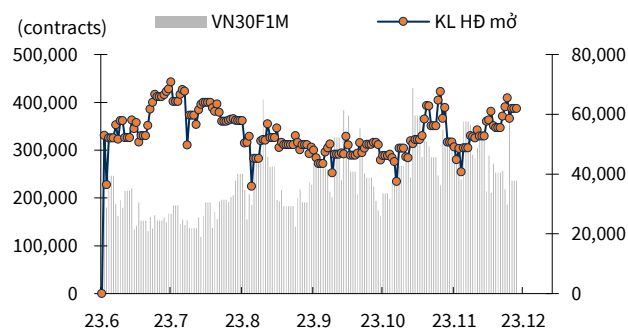
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



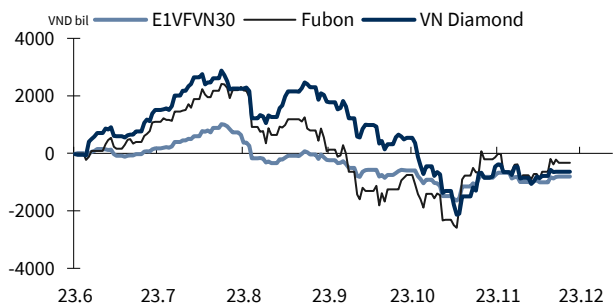
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

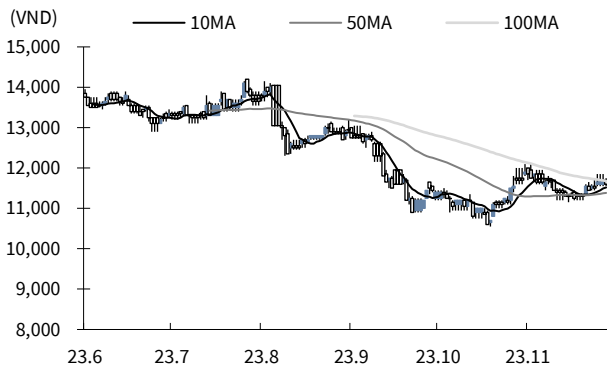
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)

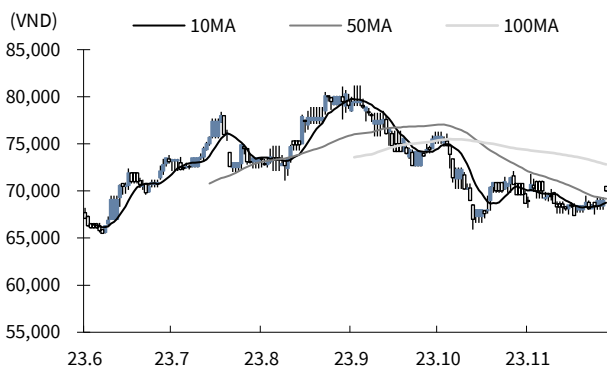


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 0.43% xuống còn 11,600 VND/cp

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11 với tổng sản lượng điện ước tính đạt gần 1.18 tỷ kWh và doanh thu khoảng 2,460 tỷ đồng, giảm lần lượt 19% và 11% YoY. Luỹ kế 11 tháng năm 2023, ước tính doanh thu PV Power đạt khoảng 27,431 tỷ đồng, tăng khoảng 3.3% so với cùng kỳ và tương đương 90% kế hoạch năm.

CTCP Sữa Việt Nam (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM tăng 1.45% lên 70,000 VND/cp

- CTCP Sữa Việt Nam vừa công bố nghị quyết về việc tạm ứng hai đợt cổ tức bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 14%. Cụ thể, ngày 28/12 là ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức đợt 2/2023 của Vinamilk với tỷ lệ 5%, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/12. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 28/2/2024. Đến ngày 12/3/2024, Vinamilk chốt danh sách đăng ký cuối cùng nhận cổ tức đợt 3/2023 với tỷ lệ 9% bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/3/2024. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 26/4 năm sau.

Thị trường lao động Mỹ khả quan

Thị trường lao động Mỹ cho thấy số liệu khả quan

- Nền kinh tế Mỹ tạo ra thêm 199,000 công việc mới trong tháng 11, vượt qua con số 150,000 trong tháng 10 và vượt kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên, số việc làm trong hai tháng gần đây vẫn bé hơn mức bình quân 240,000 trung bình một năm qua, cho thấy sự chậm lại trên thị trường lao động.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở Hoa Kỳ giảm xuống 3.7% vào tháng 11 từ mức 3.9% của tháng trước, mức thấp nhất kể từ tháng 7 và thấp hơn kỳ vọng 3.9% của thị trường. Tỷ lệ tham gia lao động tăng nhẹ 10bps lên mức 62.8%, đây cũng là con số trung bình của Mỹ từ năm 1948 cho đến nay.
- Tăng trưởng tiền lương của Mỹ đã tăng 4.0% (YoY), cùng tốc độ với tháng trước và đúng với kỳ vọng của thị trường. Mặc dù nó đang ở mức chậm nhất kể từ tháng 5 năm 2021, cần lưu ý rằng mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2007 đến nay là 3.02%. Vì vậy, chúng tôi tin rằng cuộc họp trong tuần này của FED sẽ phải đề cập đến sức mạnh của thị trường lao động bên cạnh mục tiêu lạm phát.

Khi tin tốt chưa hẳn là tin tốt

- KBSV đánh giá số liệu cho thấy sức mạnh của thị trường lao động Mỹ vẫn còn tiếp tục, và việc đưa lạm phát về mục tiêu 2% của FED sẽ khó khăn hơn so với dự kiến.
- Hợp đồng tương lai lãi suất đã thay đổi đáng kể khi trước báo cáo việc làm, 60% khả năng cắt giảm lãi suất từ tháng 3 năm 2024. Con số hiện tại là 43.2%.
- DXY tăng 0.34% lên 103.98. Lãi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ 10 năm tăng 8bps lên 4.23%

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

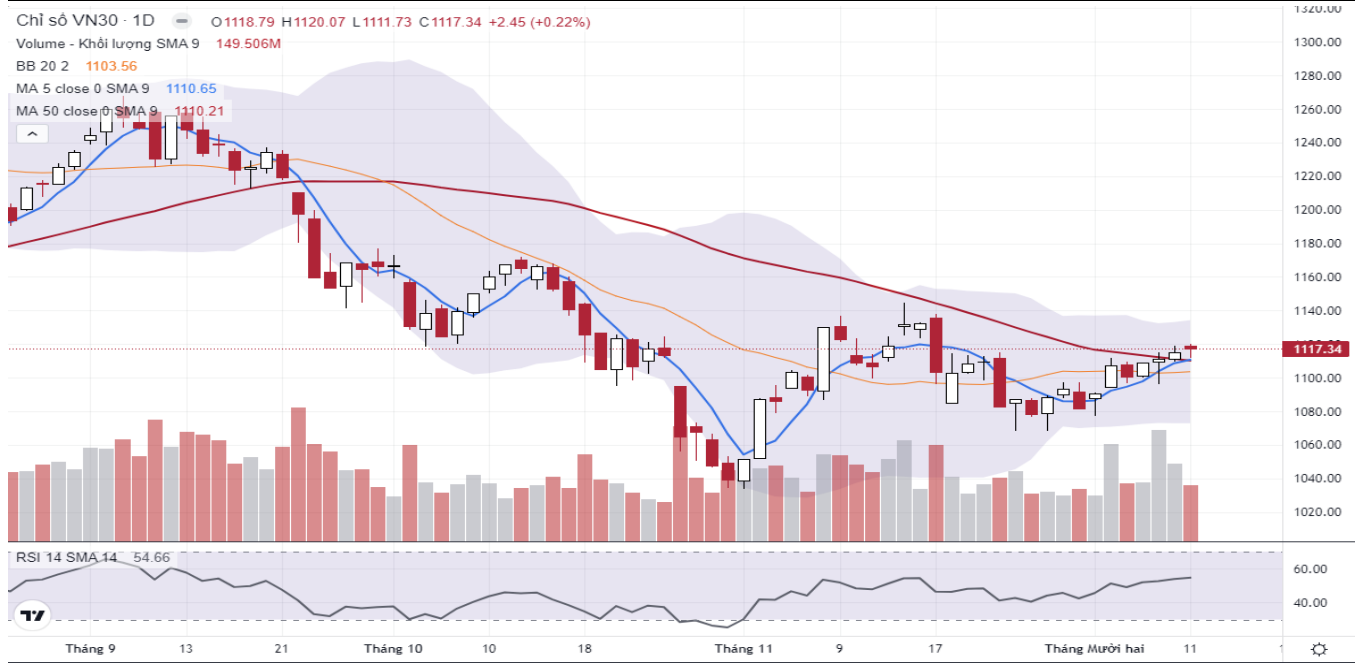
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



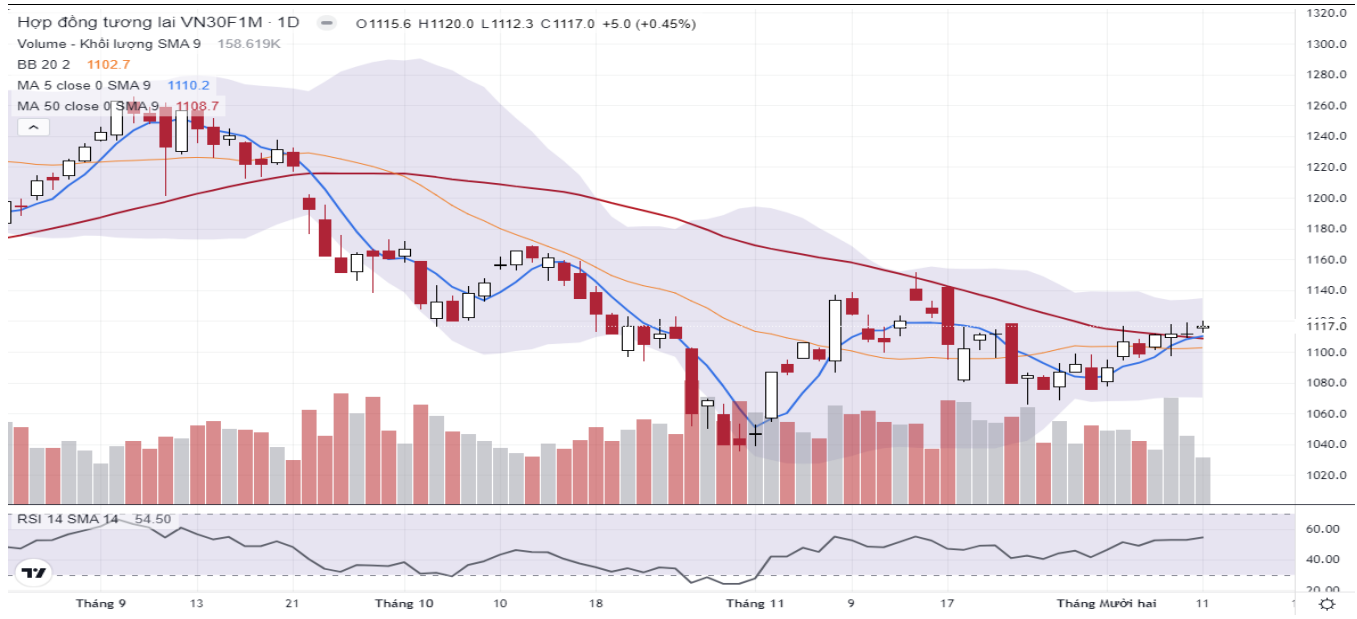
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến rung lắc trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Lực cầu đã cho phản ứng và gia tăng khi VNIndex điều chỉnh về sát đường MA200 ngày, hình thành nên mẫu nến rút chân và giúp cho trạng thái chỉ số bớt tiêu cực hơn. Nhiều khả năng VNIndex vẫn có thể duy trì đà hồi phục với các nhịp tăng giảm đan xen lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+-15), trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1138 - 1142

Kháng cự gần: 1125 - 1128

Hỗ trợ gần: 1102 - 1108

Hỗ trợ xa: 1080 - 1085

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 diễn biến rung lắc trước khi lấy lại hầu hết thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Việc F1 hình thành mẫu nến spinning thân nhỏ ngay sát đường MA200 ngày cho thấy tâm lý 2 phe đang có phần lưỡng lự. Tuy vậy, lực cung bán ra tại MA200 ngày càng suy yếu dần khi biên độ giao dịch đang co hẹp lại với thanh khoản giảm. Nhiều khả năng F1 vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+-15) trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

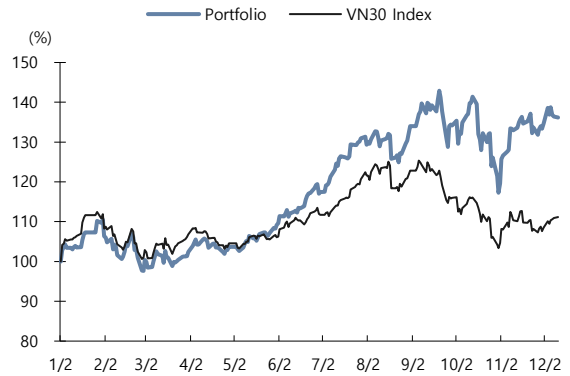
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.22%	-0.18%
Tăng lũy kế (YTD)	11.16%	36.17%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,700	0.3%	20.4%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	80,000	1.8%	11.1%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Digiworld (DGW)	12/01/2023	53,200	0.0%	3.3%	- Kỳ vọng đóng góp từ ngành hàng và thương hiệu mới - Khác biệt DGW với các nhà bán lẻ giúp bảo toàn lợi nhuận và phát triển bền vững
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,550	-0.6%	23.0%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,400	0.0%	3.7%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nam Long (NLG)	12/01/2023	36,400	-1.4%	-2.2%	- Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước - Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu thực - Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn
Petrovietnam Fertilizer (DPM)	12/01/2023	33,750	0.1%	1.7%	- Kỳ vọng DPM có thể cải thiện BLNG nhờ tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao và có hợp đồng giá khí đầu vào tốt hơn - Nhu cầu tiêu thụ có thể cải thiện từ đầu năm 2024 khi thị trường nội địa bước vào vụ mùa mới
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	36,100	0.0%	-0.4%	- Giá cước có thể cải thiện do các vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD
Vietcombank (VCB)	12/01/2023	84,200	-0.9%	-0.9%	- Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Khang Dien House (KDH)	12/01/2023	31,400	-1.1%	-0.5%	- Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng năm 2023-2024 - Kỳ vọng doanh số năm 2024 tăng trưởng mạnh

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	1.2%	22.9%	44.3
DGC	0.0%	18.9%	26.9
VIC	2.6%	12.5%	19.1
MSN	2.0%	28.7%	15.1
NKG	-0.2%	15.4%	15.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	-0.9%	23.5%	-140.5
FUEVFNVD	0.1%	97.0%	-103.5
STB	-1.2%	23.8%	-65.8
VPB	-1.0%	28.1%	-47.5
FRT	-2.0%	36.6%	-17.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	2.1%	4.7%	37.2
PVS	1.8%	21.6%	8.1
PVG	1.1%	5.6%	0.2
NDN	-1.0%	1.9%	0.2
MBS	2.3%	0.6%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.5%	19.8%	-2.2
IDC	1.6%	1.6%	-1.4
DTD	0.4%	0.3%	-0.6
HUT	-1.0%	1.8%	-0.3
NVB	-3.6%	4.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm	4.1%	VNM, MSN, KDC, VHC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	2.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Quản lý & phát triển bất động sản	1.6%	VHM, VIC, NVL, BCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.6%	TNH, JVC, VMD
Công nghệ	1.5%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-2.8%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	-2.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Dược	-2.3%	DHG, IMP, TRA, DBD
Hàng không dân dụng	-1.6%	VJC, HVN
Hàng hải	-1.6%	VSC, VOS, SKG, VTO

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	8.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	8.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Máy móc	8.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích điện	6.6%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng hải	6.3%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-7.5%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-4.8%	AST, VNG, DSN, DAH
Dược	-4.3%	DHG, IMP, TRA, DBD
Giấy & lâm sản	-3.8%	DHC, HAP, HHP, VID
Ngân hàng	-3.3%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	165,753 (6.8)	22.5	43.9	-	14.7	3.3	0.0	1.4	1.5	2.6	2.6	-2.0	-18.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	314,530 (13.0)	26.6	4.7	4.8	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	3.4	-0.7	-3.1	-14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	94,033 (3.9)	17.8	12.6	12.3	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	1.3	2.8	-1.3	-10.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	547,241 (22.5)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	-	-	0.0	-3.0	10.0	25.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	51,264 (2.1)	11.6	23.3	21.6	13.7	9.1	10.5	1.8	1.7	-1.1	-3.7	0.2	30.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	475,454 (19.6)	13.9	50.5	41.4	-	2.5	3.1	1.2	1.2	-3.3	-6.3	-2.3	51.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	94,924 (3.9)	6.3	15.4	13.4	11.7	20.9	19.4	2.7	2.2	-0.9	-2.1	-2.1	24.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	43,633 (1.8)	12.7	12.1	9.5	-5.3	17.9	19.3	2.0	1.7	-1.2	4.0	10.6	20.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	99,395 (4.1)	0.0	6.0	5.1	14.3	14.8	15.2	0.8	0.7	-0.3	2.2	-0.6	19.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	87,862 (3.6)	1.4	7.8	6.5	50.3	15.8	17.3	1.1	1.0	-0.2	1.1	2.0	10.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	196,123 (8.1)	0.0	11.9	9.0	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-1.0	-0.5	-0.8	8.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	151,538 (6.2)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	-0.3	0.6	0.8	22.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	137,690 (5.7)	4.2	6.2	4.7	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	0.0	1.4	-0.5	35.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	471,879 (19.4)	14.0	8.7	5.3	26.5	16.6	21.4	1.2	1.0	-1.2	-1.2	-5.6	23.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	114,337 (4.7)	0.0	7.1	6.2	37.4	16.4	17.1	1.1	1.0	-0.6	0.9	2.1	14.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	215,536 (8.9)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	-0.5	1.6	7.0	-3.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,144 (0.5)	21.0	16.5	16.3	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	1.3	0.1	-1.4	-14.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	3,050 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.2	-1.4	-3.2	8.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	755,072 (31.1)	55.4	23.3	20.9	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.1	0.3	-2.7	6.2	84.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	305,506 (12.6)	71.9	36.3	26.1	-4.0	7.9	10.8	2.9	2.8	1.4	-3.4	6.4	82.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	178,767 (7.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.2	3.2	10.7	60.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	642,096 (26.5)	27.2	19.2	18.9	36.3	9.3	9.3	1.8	1.7	1.2	-3.3	9.5	62.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	170,170 (7.0)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.1	30.1	4.6	4.3	1.4	1.7	0.6	-8.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	40,457 (1.7)	36.9	18.7	17.6	7.3	18.8	21.5	3.5	3.8	-0.2	1.2	5.0	-21.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	130,801 (5.4)	16.5	78.0	31.4	-51.9	3.9	11.7	3.6	3.2	2.0	8.5	9.4	-27.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,601 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	0.0	9.4	-5.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	91,285 (3.8)	11.0	58.4	23.4	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	0.0	-1.5	-4.4	-4.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	60,594 (2.5)	10.8	9.3	18.6	-57.0	31.3	13.4	2.5	2.3	0.1	-0.1	2.3	55.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	156,044 (6.4)	38.4	34.6	22.1	65.7	2.4	3.8	-	-	0.0	-1.4	2.7	34.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	485,151 (20.0)	37.7	32.6	27.5	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.5	-1.3	-1.1	5.5	85.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	121,884 (5.0)	3.6	26.9	27.6	-52.4	2.7	2.7	0.7	0.7	-0.8	-2.6	1.3	158.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	17,326 (0.7)	0.0	9.9	9.1	-4.5	13.2	13.0	1.3	1.2	-0.8	1.2	2.3	-5.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	46,710 (1.9)	46.1	15.6	16.2	-17.5	19.1	18.1	2.8	2.6	0.9	-0.9	-0.5	-7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,084 (0.5)	31.4	20.4	14.0	-10.5	7.7	11.7	1.7	1.7	-0.4	1.9	-1.6	-14.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,456 (0.1)	34.1	13.1	6.9	-5.1	7.4	13.1	-	-	0.0	-2.0	9.4	15.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	729,319 (30.0)	18.0	25.5	13.0	21.9	6.3	11.0	1.6	1.4	-0.7	0.0	3.8	52.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	64,135 (2.6)	36.5	17.7	16.0	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	0.1	-0.7	4.5	-21.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	104,641 (4.3)	46.5	16.4	10.1	-4.5	10.2	16.7	1.5	1.4	0.3	-2.3	5.7	22.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	304,275 (12.5)	38.9	11.4	8.6	67.9	10.4	15.3	1.2	1.1	-1.8	-2.5	5.1	93.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,746 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	4.7	6.3	41.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	31,622 (1.3)	4.6	15.2	13.3	-51.0	12.9	12.8	1.8	1.7	0.0	0.4	6.9	12.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	146,502 (6.0)	39.9	34.1	13.7	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	-0.2	-1.2	6.2	59.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	117,344 (4.8)	35.9	9.0	7.6	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	-0.4	-3.4	5.3	17.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	366,827 (15.1)	0.0	53.6	22.1	14.4	1.3	8.7	2.6	2.4	-0.2	6.4	7.9	-0.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	48,328 (2.0)	0.0	15.3	13.0	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	1.8	-0.6	5.3	-11.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,482 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	2.8	11.2	105.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	36,148 (1.5)	30.3	208.5	28.7	-75.2	2.8	20.0	6.5	5.4	-2.0	-3.8	-4.1	65.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,131 (0.5)	34.6	14.6	19.9	41.2	15.1	12.0	2.0	1.9	0.2	-0.1	4.2	22.2
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,837 (0.1)	45.4	13.5	14.1	10.7	22.3	19.5	2.8	2.6	-1.6	-3.3	-3.6	18.4
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	195,447 (8.1)	0.0	19.1	15.5	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	0.8	1.5	3.8	42.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

